

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAH'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 22/6/2020.

*V/v: Kiện ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Vũ Xuân Thụ

2. Ông: Hoàng Tuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Y Sơ Mi Niê KĐăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:** Bùi Thị Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Minh N, sinh năm 1952; Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Trần Minh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Nguyễn Thị C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Thời gian chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, bà C thường xúc phạm ông N. Đến nay cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với bà C nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa ông N và bà C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông N và bà C có 03 con chung là:

1. Trần Thị S - sinh năm 1984;

2. Trần Thị L- sinh năm 1987;

3. Trần Thanh S - sinh năm 1991.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, các con đã trưởng thành nên ông N không có yêu cầu gì về nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông N trình bày các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1980, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Thời gian chung sống với nhau hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế, đặc biệt khi hai bên đều bị bệnh thì vấn đề càng trở nên nghiêm trọng. Bà C và ông N cãi nhau thường xuyên, ông N đuổi đánh bà C nhiều lần đến mức phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Năm 2019, do cuộc sống gia đình căng thẳng, bà C đã làm đơn ly hôn với ông Trần Minh N, sau đó ông N hứa hẹn thay đổi nên bà C rút đơn. Tuy nhiên, từ khi bà C rút đơn khởi kiện đến nay, mâu thuẫn gia đình không cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Từ nửa năm nay, ông N và bà C dù còn ở chung nhà nhưng đã ăn riêng.

Đến nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý nhưng bà yêu cầu ông N phải chia tài sản cho bà.

- Về con chung: Bà C và ông N có 3 con như ông N trình bày ở trên. Do các con đã trưởng thành nên bà C không có yêu cầu gì về nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Bà C yêu cầu ông N phải chia cho bà C số tài sản hiện ông N đang quản lý.

Tại phiên tòa, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Theo nội dung xác minh tại chính quyền địa phương: Trong cuộc sống hàng ngày giữa ông N và bà C thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, Ban tự quản và Chi Hội phụ nữ thôn A, xã R đã nhiều lần can thiệp.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thu thập tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội

đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn” việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C có đến Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị C chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N và bà C đều không cung cấp được giấy Chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Tuy nhiên, ông N và bà C chung sống với nhau từ năm 1983, theo quy định tại điểm a, mục 1 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận hôn nhân của ông N và bà C là hợp pháp. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của ông N và bà C đã xảy ra những va chạm, mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông N.

[3]. *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống ông N và bà C có 03 con chung là:

1. Trần Thị S - sinh năm 1984;
2. Trần Thị L - sinh năm 1987;
3. Trần Thanh S - sinh năm 1991.

Các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng.

[4]. *Về tài sản chung*: Trong quá trình tham gia tố tụng bà C có yêu cầu ông N chia tài sản cho bà C nhưng bà C không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên không có căn cứ giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Cần buộc ông Trần Minh N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Trần Minh N là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí, căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông N được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 55, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, mục 1 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ông Trần Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh N được ly hôn với bà Nguyễn Thị C;

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Trần Minh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Minh N là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí, căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông Nhật được miễn toàn bộ án phí. Trả lại cho ông Trần Minh N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số 0001468, ngày 21 tháng 02 năm 2020.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện EaH'leo;
- Thi hành án huyện EaH'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã B, huyện T, Bình Định;
- Lưu hồ sơ, vì tính.

**Nguyễn Thị Bích Thủy**